



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 09/2022

A. HỎI ĐÁP

B. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Người lao động vận hành công trình khí làm việc tối đa 12 giờ/ngày
2. Hạn cuối chi trả tiền hỗ trợ Covid-19
3. Hạn cuối nộp gia hạn tiền nộp thuế và thuế đất
4. Hướng dẫn mở sổ kế toán đối với hoạt động xã hội, từ thiện

C. CÁC QUY ĐỊNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Quy định về 06 trường hợp giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng tại Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022.
2. Quy định tiêu chuẩn chuyên môn ngạch công chức kế toán thuế hải quan dự trữ tại Thông tư 29/2022/TT-BTC
3. Quy định giảm 50% phí xác thực khai thác thông tin công dân trong CSQDL về dân cư tại Thông tư 48/2022/TT-BTC
4. Quy định mới về giá tính thuế GTGT chuyển nhượng bất động sản.

D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Quyết định số 1462/QĐBTC ngày 22/07/2022 của Bộ Tài chính.
2. Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT ngày 20/07/2022 của Bộ thông tin và truyền thông.
3. Quyết định số 1693/QĐ-BTC ngày 22/8/2022 của Bộ Tài chính.
4. Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ.



A. HỎI ĐÁP CHÍNH SÁCH THUẾ



1. Công ty tôi có quy định thu thập giảm trừ gia cảnh với độ tuổi của bố mẹ như sau: Nam 60 tuổi 6 tháng (trở lên); Nữ 50 tuổi 8 tháng (trở lên). Dựa vào thông tin trên, tôi đã xin xác nhận người phụ thuộc cho mẹ ruột 51 tuổi cùng hộ khẩu. Nhưng khi tôi xin giấy xác nhận của phường thì bị từ chối vì người phụ thuộc chưa đủ 60 tuổi, chưa hết tuổi lao động.

Vậy cho tôi hỏi, tuổi thực tế được quy định là bao nhiêu, nếu là hết độ tuổi lao động thì tuổi lao động hiện tại là bao nhiêu?

Căn cứ điểm 4 Điều 9, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“Cá nhân được tính là người phụ thuộc theo hướng dẫn tại các tiết d.2, .3, d.4, điểm d, khoản 1, Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

đ1) Đối với người trong độ tuổi lao động phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

đ.1.1) Bị khuyết tật, không có khả năng lao động.

đ.1.2) Không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

đ.2) Đối với người ngoài độ tuổi lao động phải không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng. ”.

Căn cứ điểm 2, Điều 169 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 quy định như sau:

“2. Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đi 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.

Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ...”

Căn cứ quy định nêu trên, nếu mẹ ruột của độc giả đang trong độ tuổi lao động nhưng đáp ứng đồng thời quy định tại điểm d, Điều 9, Thông tư 111/2013/TT-BTC thì được tính là người phụ thuộc.

2. Kính thưa Bộ tài chính, theo điểm c mục 1 điều 7 Thông tư 78/2021/TT-BTC, Công ty tôi hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ có xuất 3 hóa đơn bị sai thông tin mã số thuế và đã gửi cho khách hàng. Bên tôi và khách hàng đã thống nhất làm hóa đơn điều chỉnh cho 3 hóa đơn này. Tuy nhiên, sau khi làm hóa đơn điều chỉnh thì bên tôi phát hiện hóa đơn điều chỉnh vẫn tiếp tục bị sai thông tin mã số thuế và người lập hóa đơn điều chỉnh vẫn đề thông tin số tiền, tên hàng hóa dịch vụ như một hóa đơn mới. Vậy, Quý Bộ cho tôi hỏi với trường hợp này, bên tôi đề xuất cách làm tiếp tục điều chỉnh hóa đơn gốc và hủy hóa đơn đã điều chỉnh thì có đúng hay không ạ? Rất mong nhận được hướng dẫn cụ thể của Quý bộ. Xin trân trọng cảm ơn!

- Căn cứ Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ:

+ Tại Khoản 2 Điều 19 quy định về xử lý hoá đơn có sai sót:

- Căn cứ Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2015, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

+ Tại Điều 7 quy định về xử lý hóa đơn điện tử, bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế có sai sót trong một số trường hợp,

Căn cứ các quy định trên, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập (theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP) đã gửi cho người mua mà người mua hoặc người bán phát hiện có sai sót về mã số thuế thì người bán có thể lựa chọn lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hoặc hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử có sai sót. Trường hợp lập hóa đơn điện tử điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại tiết b điểm b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP,

Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có sai sót và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, sau đó lại phát hiện hóa đơn tiếp tục có sai sót thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý sai sót lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư 78/2021/TT-BTC.

3. Công ty tôi đang xuất hóa đơn cho các mặt hàng không kê khai nộp thuế theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/03/2013, tại dòng thuế suất không ghi, gạch chéo (/). Hiện tại khách hàng bên tôi đang phản ánh tại dòng thuế suất phải ghi là KKKNT mới đúng. Cho tôi hỏi, vậy cách thể hiện trên hóa đơn thế nào mới đúng?

Cục Thuế TP Hải Phòng có ý kiến sau:

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

Tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định quy định Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

“1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất), xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.”

Tại khoản 6 Điều 10 của Nghị định quy định:

“6. Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

b) Thuế suất thuế giá trị gia tăng: Thuế suất thuế giá trị gia tăng thể hiện trên hóa đơn là thuế suất thuế giá trị gia tăng tương ứng với từng loại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Theo Quyết định số 1450/QĐ-TCT ngày 07/10/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành quy định về thành phần chứa dữ liệu HĐĐT và phương thức truyền nhận với cơ quan thuế: trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT thì khi lập hóa đơn, tại mục thuế suất NNT chọn giá trị: “KKKNT”

Từ các căn cứ nêu trên, trường hợp Công ty độc giả xuất hóa đơn cho các mặt hàng thuộc đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT thì khi lập hóa đơn, tại mục thuế suất không bỏ trống mà chọn giá trị “KKKNT”

4. Kính gửi Bộ Tài Chính - Tổng cục thuế, Công ty chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vừa có hoạt động bán hàng nội địa, vừa có hoạt động bán hàng xuất khẩu. Chúng tôi có phát sinh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không hạch toán riêng được hóa đơn đầu vào phục vụ cho hàng hóa xuất khẩu nên khi làm hồ sơ hoàn thuế GTGT, Công ty chúng tôi xác định dựa trên tỷ lệ doanh thu xuất khẩu theo hướng dẫn tại Điều 2, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính. Sau khi hoàn thuế GTGT lần 1, Công ty có phát sinh chỉ tiêu “Số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau” do bị khống chế 10% doanh thu xuất khẩu của kỳ hoàn 1. Như vậy khi thực hiện hoàn thuế tiếp lần 2, chúng tôi có được hoàn thuế số thuế GTGT chưa được hoàn lần 1 không?

Nếu không, số thuế GTGT này sẽ được xử lý như thế nào? Mong Bộ Tài Chính-Tổng cục thuế hướng dẫn chúng tôi xử lý vấn đề này. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

- Căn cứ Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.



- Căn cứ Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty của Độc giả xuất khẩu hàng hóa có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên trong tháng/quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng/quý theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (trừ các trường hợp hướng dẫn tại Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính) để được khấu trừ thuế, hoàn thuế GTGT đầu vào phải có đủ điều kiện và các thủ tục theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được hoàn của kỳ này được chuyển khấu trừ vào kỳ tiếp theo để xác định số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu kỳ hoàn thuế tiếp theo.

5. Kính gửi Bộ Tài chính: Đơn vị chúng tôi đang có vướng mắc về việc sử dụng Chứng từ khấu trừ thuế TNCN. Hiện nay đơn vị đã tiến hành hủy toàn bộ Chứng từ giấy mua của CQT từ ngày 30.6, nhưng hiện tại để sử dụng chứng từ mới đơn vị chưa xác định được Mẫu số trên chứng từ đơn vị sẽ sử dụng là CTT56 hay 03/TNCN vì mẫu tham khảo và các nội dung trên nghị định 123/2020/NĐ-CP và TT78/2021/TT-BTC chưa đề cập rõ vấn đề này. Ngoài ra, theo công văn số 2455/TCT đơn vị không bắt đăng ký, thông báo phát hành chứng từ. Vậy đơn vị có cần nộp Báo cáo tình hình sử dụng chứng từ Mẫu CTT25/AC không? Rất mong sớm nhận được hướng dẫn, phản hồi sớm của Quý Bộ. Xin trân trọng cảm ơn!

- Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

+ Tại Điều 31 quy định thời điểm lập chứng từ: “*Tại thời điểm khấu trừ thuế TNCN, thời điểm thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thụ thuế, phí, lệ phí phải lập chứng từ, biên lai giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí.*”

+ Tại Khoản 1 Điều 32 quy định nội dung chứng từ:

“1. Chứng từ khấu trừ thuế có các nội dung sau:

- a) Tên chứng từ, ký hiệu mẫu chứng từ, ký hiệu chứng từ, số thứ tự chứng từ;
- b) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp;
- c) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người nộp thuế (nếu người nộp thuế có mã số thuế);
- d) Quốc tịch (nếu người nộp thuế không thuộc quốc tịch Việt Nam);
- đ) Khoản thu nhập, thời điểm trả thu nhập, tổng thu nhập chịu thuế, số thuế đã khấu trừ, số thu nhập còn được nhận;
- e) Ngày, tháng, năm lập chứng từ;
- g) Họ tên, chữ ký của người trả thu nhập.

Trường hợp sử dụng chứng từ khấu trừ thuế điện tử thì chữ ký trên chứng từ điện tử là chữ ký số.”.

+ Tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 33 quy định định dạng chứng từ:

“2. Định dạng chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân:

Tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi sử dụng chứng từ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định này theo hình thức điện tử tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này.



A. HỎI ĐÁP

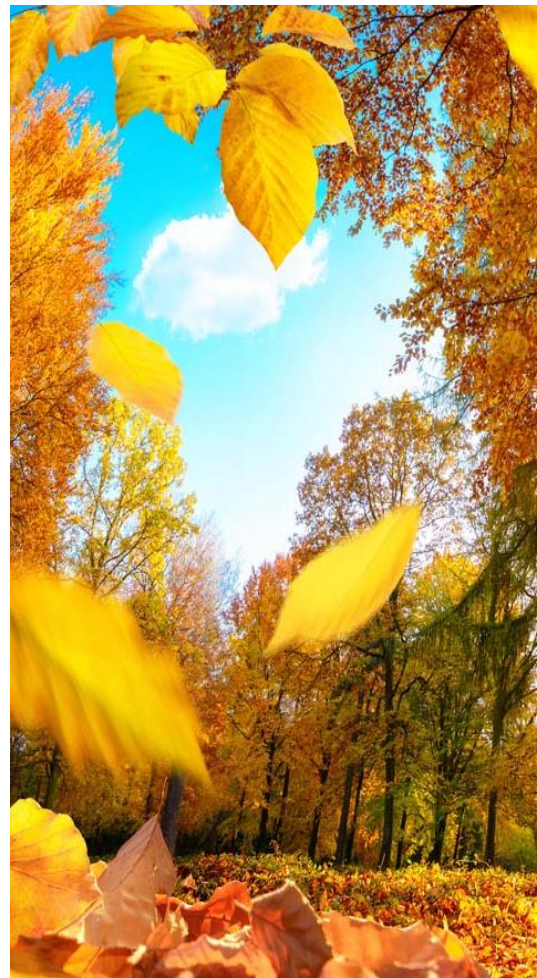
3. Chứng từ điện tử, biên lai điện tử phải được hiển thị đầy đủ, chính xác các nội dung của chứng từ đảm bảo không dẫn tới cách hiểu sai lệch để người sử dụng có thể đọc được bằng phương tiện điện tử.”

+ Căn cứ công văn số 2455/TCT-DNNNCN ngày 12/7/2022 của Tổng cục thuế hướng dẫn,

“3. Về việc sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử

Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 123/2020/NĐCP thì tổ chức kháng trừ khi sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử không bắt buộc phải đăng ký, thông báo phát hành, chuyển dữ liệu điện tử đến CQT, tổ chức khấu trừ tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 123/2000/NĐCP...”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Đơn vị của Độc giả sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử thì khi phát hành để sử dụng, đơn vị thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 và khoản 2 khoản 3 Điều 33 Nghị định số 123/2000/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và không phải nộp CTT25/AC theo hướng dẫn tại công văn số 2455/TCT-DNNNCN ngày 12/7/2022 của Tổng cục thuế.



6. Em có câu hỏi về xử lý hóa đơn không có mã của CQT. Chẳng là Công ty e đã chuyển đổi hóa đơn sang TT 80 của BCT là hóa đơn có mã CQT nhưng trong quá trình xử lý hóa đơn em có xuất 1 hóa đơn làm 2 lần, và trong lúc bối rối em đã hủy 1 trong 2 hóa đơn trong khi hóa đơn chưa được CQT cấp mã.

Vậy trong TH này em xử lý như nào với hóa đơn đã bị hủy ạ. Tham khảo ý kiến của mọi người thì đang có 2 luồng ý kiến trái chiều:

1 - là không phải làm gì cả DN tự QL hóa đơn sai sót khi chưa được cấp mã của CQT

2 - là làm TTSS gửi CQT thì em đang không biết phải làm gì với hóa đơn này.

Mong CQT xử lý và trả lời giúp em sớm ạ.

Tại khoản điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định:

“ Điều 3. Giải thích từ ngữ

2. Hóa đơn điện tử là hóa đơn có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập bằng phương tiện điện tử để ghi nhận

thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế, bao gồm cả trường hợp hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế, trong đó:

a) Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế là hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cấp mã trước khi tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ gửi cho người mua....”

Tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định:

“Điều 17. Lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

1. Lập HĐ điện tử có mã của cơ quan thuế

a) DN, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này nếu truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lập hóa đơn thì sử dụng tài khoản đã được cấp khi đăng ký để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ.

- Ký số trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn để cơ quan thuế cấp mã.

b) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông

qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì truy cập vào trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc sử dụng phần mềm hóa đơn điện tử của đơn vị để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ.

- Ký số trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để cơ quan thuế cấp mã....”

Tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định:

“Điều 19. Xử lý hóa đơn có sai sót

1. Trường hợp người bán phát hiện hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua có sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế....”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan Thuế, khi lập

hóa đơn chưa được Cơ quan thuế cấp mã nhưng Công ty đã thực hiện hủy hóa đơn thì hóa đơn đã hủy này là hóa đơn chưa có giá trị sử dụng, theo đó Công ty không phải gửi Mẫu số 04/SS-HĐĐT (Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ) thông báo tới Cơ quan Thuế.



B. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Người lao động vận hành công trình khí làm việc tối đa 12 giờ/ngày
2. Hạn cuối chi trả tiền hỗ trợ Covid-19
3. Hạn cuối nộp gia hạn tiền nộp thuế và thuế đất
4. Hướng dẫn mở sổ kế toán đối với hoạt động xã hội, từ thiện

1. Người lao động vận hành công trình khí làm việc tối đa 12 giờ/ngày

Thông tư 12/2022/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường ống phân phối khí và các công trình khí có hiệu lực từ ngày 9/9/2022.

Theo Thông tư quy định, người lao động làm công việc vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường ống phân phối khí và các công trình khí làm việc theo ca và phiên làm việc. Cụ thể, ca làm việc không quá 12 giờ trong 1 ngày; phiên làm việc tối đa là 7 ngày.

Bảo đảm tổng số giờ làm việc của ca làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 1 ngày; số giờ làm thêm không quá 300 giờ trong 1 năm.

2. Hạn cuối chi trả tiền hỗ trợ Covid-19.

Để đảm bảo tiền hỗ trợ COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp được chi trả đầy đủ và kịp thời đến tay người lao động, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 24/2022/UBTVQH15 về tiếp tục chi trả hỗ trợ đối với người lao động chịu ảnh hưởng của COVID-19 theo Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15.

Theo quy định này, Chính phủ sẽ được giao nhiệm vụ triển khai việc chi trả tiền hỗ trợ cho người lao động với tổng số tiền khoảng 1.155 tỷ đồng từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến hết năm 2021.

Số tiền này sẽ được chi trả cho những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm ngày 30/9/2021, hoặc đã dừng tham gia bảo hiểm thất nghiệp do chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 1/1/2020 đến ngày 30/9/2021 có thời gian đóng bảo hiểm được bảo lưu, đồng thời đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp đúng hạn trong năm 2021 mà chưa nhận hoặc chưa nhận đủ tiền trợ cấp từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Theo Nghị quyết số 24/2022/UBTVQH15, hạn cuối phải hoàn thành việc chi trả hỗ trợ cho người lao động được ấn định vào ngày 10/9/2022.



3. Hạn cuối nộp gia hạn tiền nộp thuế và thuế đất.

Nghị định 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022.

Cụ thể theo Điều 5 Nghị định 34, tổ chức, cá nhân được gia hạn nộp tiền thuế và tiền thuê đất trong năm 2022 phải trực tiếp kê khai, gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo mẫu quy định cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp thông phương thức điện tử; gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc quý) thì hạn nộp chậm nhất là ngày 30/9/2022. Còn nếu gửi Giấy đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế sau ngày 30/9/2022, người nộp thuế sẽ không được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất.

4. Hướng dẫn mở sổ kế toán đối với hoạt động xã hội, từ thiện.

Ngày 05/7/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 41/2022/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho các hoạt động xã hội, từ thiện.

Trong đó, hướng dẫn mở sổ kế toán áp dụng cho các hoạt động xã hội, từ thiện như sau:

(1) Nguyên tắc mở sổ kế toán

Sổ kế toán phải được mở vào đầu kỳ kế toán năm hoặc ngay sau khi có quyết định thành lập và bắt đầu hoạt động của đơn vị.

Sổ kế toán được mở đầu năm tài chính mới để chuyển số dư từ sổ kế toán năm cũ chuyển sang và ghi ngay nghiệp vụ kinh tế, tài chính mới phát sinh từ ngày 01/01 của năm tài chính mới. Đơn vị được mở thêm các sổ kế toán chi tiết theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

(2) Trường hợp mở sổ kế toán thủ công

Đơn vị phải hoàn thiện thủ tục pháp lý của sổ kế toán như sau:

- Đối với sổ kế toán đóng thành quyển:

Ngoài bìa (góc trên bên trái) phải ghi tên đơn vị, giữa bìa ghi tên sổ, ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; họ

tên và chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán và thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu; ngày, tháng, năm kết thúc ghi sổ hoặc ngày chuyển giao sổ cho người khác.

+ Các trang sổ kế toán phải đánh số trang từ trang một (01) đến hết trang số cuối cùng, giữa hai trang sổ phải đóng dấu giáp lai của đơn vị.

+ Sổ kế toán sau khi làm đầy đủ các thủ tục trên mới được coi là hợp pháp.

- Đối với sổ tờ rời:

+ Đầu mỗi sổ tờ rời phải ghi rõ tên đơn vị, số thứ tự của từng tờ sổ, tên sổ, tháng sử dụng, họ tên của người giữ sổ và ghi sổ kế toán.

+ Các sổ tờ rời trước khi sử dụng phải được Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận, đóng dấu và ghi vào sổ đăng ký sử dụng thẻ tờ rời.

+ Các sổ tờ rời phải sắp xếp theo thứ tự các tài khoản kế toán và phải đảm bảo an toàn và dễ tìm.

(3) Trường hợp lập sổ kế toán trên phương tiện điện tử

Phải đảm bảo các yếu tố của sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán. Nên lựa chọn lưu trữ sổ kế toán trên



phương tiện điện tử thì vẫn phải in sổ kế toán tổng hợp ra giấy, đóng thành quyển và phải làm đầy đủ các thủ tục quy định nêu tại điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư 41/2022/TT-BTC.

Các sổ kế toán còn lại, nếu không in ra giấy, mà thực hiện lưu trữ trên các phương tiện điện tử thì Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm về việc bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ.

Thông tư 41/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/9/2022 và thay thế Thông tư 103/2018/TT-BTC.

C. QUY ĐỊNH VỀ KẾ - KIỂM TOÁN, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Quy định về 06 trường hợp giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng
2. Quy định tiêu chuẩn chuyên môn ngạch công chức kế toán thuế hải quan dự trữ
3. Quy định giảm 50% phí xác thực khai thác thông tin công dân trong CSQDLĐ về dân cư
4. Quy định mới về giá tính thuế GTGT chuyển nhượng bất động sản.



1. Quy định về 06 trường hợp giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng tại Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022.

Đây là nội dung tại Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 sửa đổi Nghị định 209/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 146/2017/NĐ-CP.

Cụ thể, đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng.

Trong đó, 06 trường hợp giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có)

(Bỏ quy định “không kể tiền sử dụng đất được miễn, giảm” so với hiện hành).

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất trúng đấu giá.

- Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).

(Hiện hành, quy định không bao gồm tiền thuê đất được miễn, giảm).

- Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng.

(Hiện hành bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có)).

Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có)...



1. Quy định về 06 trường hợp giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng tại Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) thanh toán bằng giá trị quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá tại thời điểm ký hợp đồng BT theo quy định của pháp luật; nếu tại thời điểm ký hợp đồng BT chưa xác định được giá thì giá đất được trừ là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định để thanh toán công trình.

Ngoài ra, trường hợp xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê, giá tính thuế giá trị gia tăng là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng trừ (-) giá đất được trừ tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng.

Nghị định 49/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 12/9/2022.

2. Quy định tiêu chuẩn chuyên môn ngạch công chức kế toán thuế hải quan dự trữ tại Thông tư 29/2022/TT-BTC.

Bỏ chứng chỉ ngoại ngữ khi dự thi nâng ngạch kế toán viên chính

Ngày 03/6/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 29/2022/TT-BTC về mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

Theo đó, đối với công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên chính đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với ngạch kế toán viên chính gồm
- + Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.
- + Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

(Quy định mới không yêu cầu phải có chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học)

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo Khoản 3 Điều 6 Thông tư 29.

(Thêm yêu cầu kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số)

- Đang giữ ngạch Kế toán viên và có thời gian giữ ngạch Kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc).

Trong đó phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ ngạch kế toán viên tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

- Trong thời gian giữ ngạch kế toán viên hoặc tương đương đã tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên.

Thông tư 29/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 18/7/2022 và thay thế Thông tư 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019.

3. Quy định giảm 50% phí xác thực khai thác thông tin công dân trong CSQDLĐ về dân cư tại Thông tư 48/2022/TT-BTC.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 48/2022/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 17/9/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Theo Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 48/2022/TT-BTC, mức phí xác thực thông tin công dân, khai thác kết quả thông tin là 1.000 đồng/trường thông tin.

Tuy nhiên, kể từ ngày 17/9/2022 đến hết ngày 31/12/2023: Áp dụng mức thu bằng 50% mức phí quy định nêu trên.

– Kể từ ngày 01/01/2024 trở đi: Áp dụng mức thu theo mức phí nêu trên

*** Đối tượng nộp phí:**

Đối tượng nộp phí khai thác, sử dụng thông tin trong CSDLQG về dân cư là cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Luật Căn cước công dân:

- Có đề nghị khai thác và sử dụng thông tin trong CSDLQG về dân cư; và
- Được cơ quan quản lý CSDLQG về dân cư có thẩm quyền cung cấp thông tin trong CSDLQG về dân cư theo quy định pháp luật.

*** Các trường thông tin thuộc nhóm khai thác, sử dụng phải nộp phí bao gồm:**

- Xác thực thông tin công dân bằng tin nhắn SMS, văn bản điện tử, văn bản giấy (sản phẩm SPDC01);
- Tin nhắn SMS trả lời kết quả thông tin đề nghị khai thác (sản phẩm SPDC02);
- Văn bản điện tử trả lời kết quả thông tin đề nghị khai thác qua cổng dịch vụ công (sản phẩm SPDC03);
- Văn bản điện tử trả lời kết quả thông tin đề nghị khai thác qua ứng dụng phần mềm (sản phẩm SPDC04);
- Văn bản giấy trả lời kết quả thông tin đề nghị cung cấp (sản phẩm SPDC05)



4. Quy định mới về giá tính thuế GTGT chuyển nhượng bất động sản.

Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Trong đó, có quy định mới về giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Cụ thể, từ ngày 12/9/2022, giá đất được trừ để tính thuế GTGT đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế GTGT bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có).



D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Quyết định số 1462/QĐBTC của Bộ Tài chính.
2. Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT của Bộ thông tin và truyền thông.
3. Quyết định số 1693/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.
4. Nghị định số 53/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1/ Quyết định số 1462/QĐBTC về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế, Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Ngày 22/07/2022 Bộ tài chính ban hành Quyết định số 1462/QĐBTC về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế, Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, cụ thể:

Quyết định công bố kèm hướng dẫn 31 thủ tục mới về kê khai, quyết toán thuế, đăng chú ý gồm các thủ tục:

Khai quyết toán thuế TNDN đối với doanh nghiệp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh được hưởng ưu đãi;

Thay đổi kỳ tính thuế GTGT, thuế TNCN từ tháng sang quý;

Khai thuế GTGT, thuế TNCN phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý;

Khai thuế GTGT, thuế TNCN, thuế TNDN đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý;

Khai tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Khai thuế TNCN đối với tổ chức khai thay thuế cho cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn do nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu;

Khai thuế TNCN đối với tổ chức nơi cá nhân góp vốn khai thay thuế trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng phần vốn góp, chứng khoán;

Khai thuế TNCN đối với tổ chức nơi cá nhân góp vốn khai thay thuế trong trường hợp cá nhân góp vốn bằng bất động sản;

Khai thuế đối với tổ chức khai thay và nộp thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức, tổ chức chi trả cho cá nhân đạt doanh số, tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch thương mại điện tử;

Khai thuế đối với tổ chức, cá nhân khai thay cho cá nhân có tài sản cho thuê;

Ngoài ra, Quyết định này còn sửa đổi, thay thế một số thủ tục về khai thuế GTGT, khai thuế TTĐB,

khai thuế TNDN, khai thuế nhà thầu, khai bổ sung hồ sơ thuế,....

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022 và sửa đổi Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/06/2016.

2/ Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

Ngày 20/07/2022 Bộ thông tin và truyền thông ban hành Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng, Theo đó:

Thông tư thay mới Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng phải xin giấy phép nhập khẩu, áp dụng kể từ ngày 15/09/2022.

So với Danh mục cũ, Danh mục mới có bổ sung khá nhiều sản phẩm an toàn thông tin mạng phải xin giấy phép nhập khẩu, bao gồm các sản phẩm như:

- Sản phẩm bảo vệ máy tính cá nhân/máy chủ
- Sản phẩm bảo vệ thiết bị di động
- Sản phẩm kiểm soát truy cập mạng
- Tường lửa bảo vệ lớp mạng
- Sản phẩm phát hiện và ngăn chặn xâm nhập – Intrusion Prevention/Detection System (IPS/IDS)
- Sản phẩm chống tấn công từ chối dịch vụ
- Sản phẩm an toàn mạng Internet kết nối vạn vật
- Sản phẩm quản lý sự kiện và an toàn thông tin
- Thiết bị quản lý nguy cơ mất an toàn thông tin đa dụng

- Sản phẩm giám sát mạng
- Tường lửa ứng dụng web
- Sản phẩm bảo vệ an toàn, an ninh cho hệ thống thư điện tử
- Sản phẩm chống thất thoát dữ liệu

Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng sẽ do Cục An toàn thông tin cấp.

Hồ sơ cấp giấy phép được nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin & Truyền thông hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

Thời hạn cấp giấy phép giảm từ 7 ngày xuống còn 5 ngày làm việc và đã cấp hình thức giấy phép điện tử.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/09/2022.

3/ Quyết định 1693/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố Danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính

Công bố 03 chế độ báo cáo sửa đổi trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp

Ngày 22/8/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 1693/QĐ-BTC về việc công bố Danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

Cụ thể, công bố 01 chế độ báo cáo mới, 03 chế độ báo cáo sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính. Trong đó, những đối tượng sau đây có trách nhiệm thực hiện Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và không quá 50% vốn điều lệ:

Thứ nhất, người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và không quá 50% vốn điều lệ, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Thứ hai, Cơ quan đại diện chủ sở hữu (các Bộ quản lý ngành, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

Thứ ba, Bộ Tài chính.

Hàng năm, cơ quan đại diện chủ sở hữu (các Bộ quản lý ngành, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); Bộ Tài chính có trách nhiệm thực hiện Báo cáo tình hình đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

4/ Nghị định 53/2022/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng.

Lưu trữ nhật ký hệ thống xử lý hành vi vi phạm pháp luật an ninh mạng tối thiểu 12 tháng

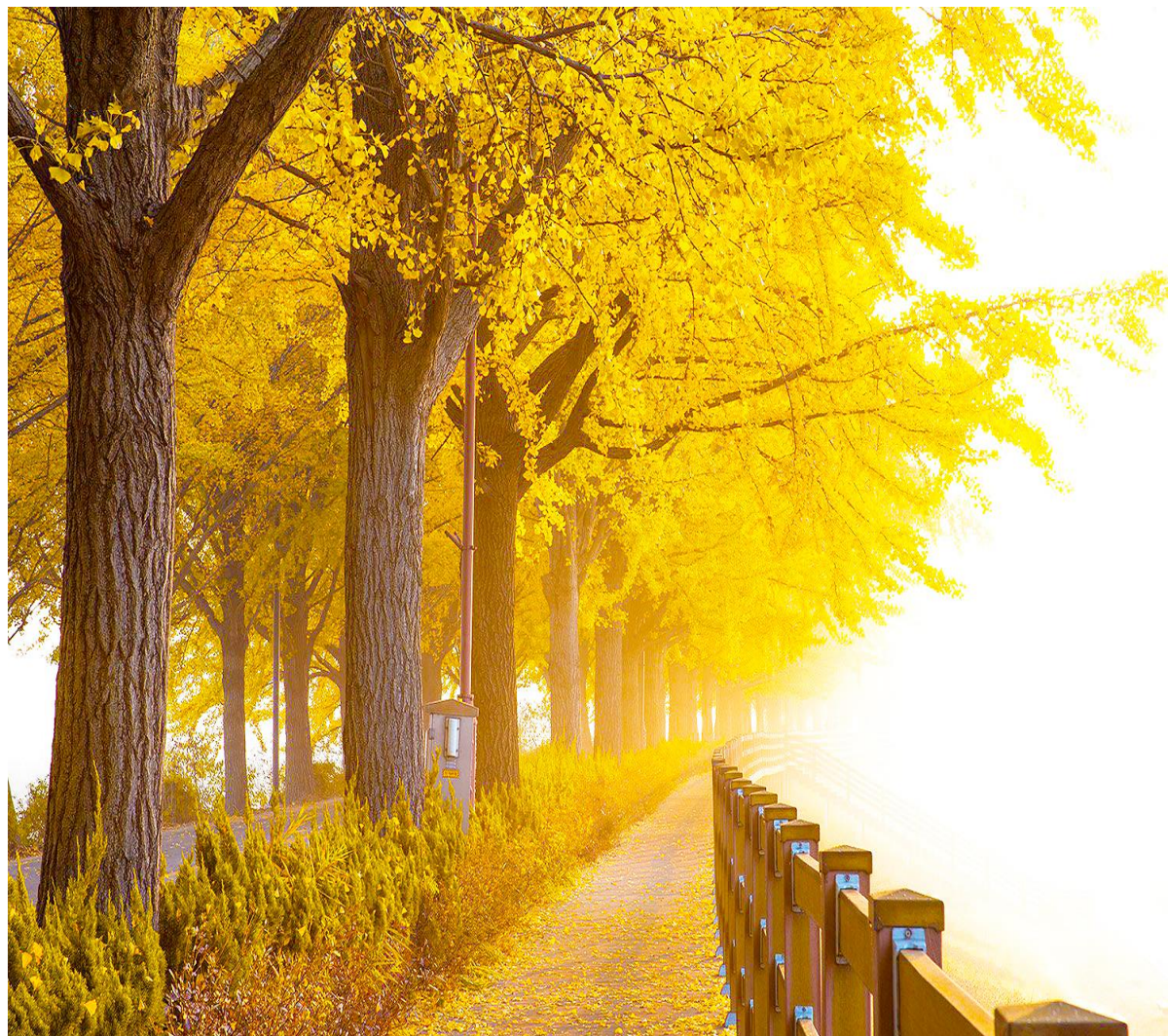
Ngày 15/8/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 53/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng.

Theo đó, hồ sơ đề nghị đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia bao gồm: văn bản đề nghị đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; văn bản cung cấp danh mục toàn bộ hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức; tài liệu chứng minh kèm theo.

Bên cạnh đó, căn cứ vào các quy định bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng và các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành khác có liên quan, chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia xây dựng các quy định, quy trình, phương án bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia do mình quản lý.

Đáng chú ý, nhật ký hệ thống để phục vụ điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng được lưu trữ tối thiểu là 12 tháng. Ngoài ra, thời gian lưu trữ dữ liệu theo quy định bắt đầu từ khi doanh nghiệp nhận được yêu cầu lưu trữ dữ liệu đến khi kết thúc yêu cầu và thời gian lưu trữ tối thiểu là 24 tháng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/10/2022.



CPAVIETNAM



Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122



VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368



CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà
Hoàng Anh Safomec,
7/1 Thành Thái, P.14,
Q.10, TP. Hồ Chí
Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959



CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng
Đạo, quận Hoàn
Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269